

咏鹅

唐 骆宾王



咏鹅

唐 骆宾王

鹅，鹅，鹅

曲项向天歌

白毛浮绿水

红掌拨清波



咏 鹅

骆宾王

é	é	é		
鹅	鹅	鹅，		
qū	xiàng	xiàng	tiān	gē
曲	项	向	天	歌。
bái	máo	fú	lù	shuǐ
白	毛	浮	绿	水，
hóng	zhǎng	bō	qīng	bō
红	掌	拨	清	波。



yǒng é

咏鹅

· (唐) 骆宾王

é é é
鹅 鹅 鹅，

qū xiàng xiàng tiān gē
曲 项 向 天 歌。

bái máo fú lǜ shuǐ
白 毛 浮 绿 水，

hóng zhǎng bō qīng bō
红 掌 拨 清 波。



yǒng é
咏 鹅

lù bīn wáng
骆 宾 王

é , é , é ,
qū xiàng xiàng tiān gē 。
bái mào fú lǜ shuǐ ,
hóng zhǎng bō qīng bō 。

